

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 01/2025/HS-ST
Ngày 03 - 01 - 2025.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Quang Man và bà Đoàn Thị Huệ.

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Nhung - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Ông Vũ Bá Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 175/2024/TLST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 194/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2024/HSST-QĐ ngày 20 tháng 12 năm 2024 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 06/2024/TB-TA ngày 26 tháng 12 năm 2024, đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1986 tại Hà Nam; nơi ĐKKHKT: tổ 8, phường HBT (nay là phường CC), thành phố PL, tỉnh Hà Nam; chỗ ở: tổ dân phố ĐT, phường LH, thành phố PL, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị L; có vợ là Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1989; con: Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam: Không; hiện đang được tại ngoại tại địa phương theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2/ Trần Đức P, sinh năm 1986 tại Hà Nam; nơi cư trú: tổ 6, phường HBT (nay là phường CC), thành phố PL, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đức V và bà Trần Thị X; có vợ là Chu Thị D, sinh năm 1988; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 16/01/2003, Công an phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức Cảnh cáo về hành vi “Trộm cắp vật”; ngày 24/3/2004, TAND thị xã Phủ Lý (nay là thành phố Phủ Lý) xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 14/02/2006, Công an phường Hai Bà Trưng (nay là phường Châu Cầu), thành phố Phủ Lý ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 100.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép tài sản”; ngày 17/7/2018, Công an huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 2.500.000

đồng về hành vi “Xâm hại sức khoẻ của người khác”; tạm giữ, tạm giam: Không; hiện đang được tại ngoại tại địa phương theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

- Anh Đỗ Tiến S, sinh năm 1976; trú tại: tổ 3, phường THĐ (nay là phường CC), thành phố PL, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

- Chị Chu Thị D, sinh năm 1988; trú tại: tổ 6, phường HBT (nay là phường CC), thành phố PL, tỉnh Hà Nam; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền cho công việc nên khoảng giữa tháng 5/2019, anh Đỗ Tiến S đã nhờ Nguyễn Mạnh C giới thiệu chỗ vay tiền. C có tiền và muốn cho vay tiền để lấy lãi, nhưng không muốn trực tiếp đứng ra cho anh S vay. C đã nhờ Trần Đức P đứng ra cho anh S vay số tiền 300.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày tương đương với lãi suất 109,5%/năm, gấp 5,475 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự (20%/năm) và thỏa thuận 15 ngày sẽ lấy tiền lãi một lần thì P đồng ý giúp C.

Ngày 14/5/2019, anh S đến nhà P để vay tiền, P và anh S thỏa thuận P cho anh S vay số tiền 300.000.000 đồng với lãi suất là 3.000 đồng/triệu/ngày, định kỳ 15 ngày sẽ trả tiền lãi một lần với số tiền 13.500.000 đồng/300.000.000 đồng/15 ngày, không thỏa thuận về thời hạn vay tiền. Để đảm bảo cho việc vay tiền, P yêu cầu anh S viết các loại giấy tờ trước khi lấy tiền gồm: 01 giấy vay tiền (nội dung anh S vay của P số tiền 300.000.000 đồng), 01 hợp đồng dịch vụ thuê xe máy (nội dung anh S thuê chiếc xe máy BKS 29L5-010.99 của P), 01 giấy mượn đăng ký xe (nội dung anh S mượn của P giấy đăng ký xe máy BKS 29L5-010.99), 01 giấy bán xe máy (nội dung anh S bán chiếc xe máy BKS 29L5-010.99); P giữ hết 04 loại giấy tờ nêu trên và giữ Giấy chứng minh nhân dân của anh S, rồi đưa cho anh S số tiền 300.000.000 đồng mà C đưa trước đó. Sau đó, P yêu cầu anh S chuyển tiền lãi cho P tới tài khoản Ngân hàng BIDV của chị Chu Thị D (là vợ của P).

Từ đầu tháng 6 đến cuối tháng 10/2019, anh S đã 10 lần chuyển trả tiền lãi cho P với tổng số tiền 135.000.000 đồng, mỗi lần anh S chuyển khoản số tiền 13.500.000 đồng đến tài khoản của chị D. Sau khi tài khoản của chị D nhận được tiền, P đều bảo chị D rút tiền ra để lấy tiền mặt nhưng không nói cho chị D biết đây là tiền gì, của ai. Sau đó, P đưa tiền trực tiếp cho C. Tổng số tiền lãi anh S đã trả cho P và P đưa lại cho C là 135.000.000 đồng tương ứng với 150 ngày vay kể từ ngày 14/5/2019.

Tuy nhiên, từ tháng 11/2019, vì làm ăn thua lỗ, không có khả năng tiếp tục trả lãi nên anh S xin P không trả lãi suất và chỉ trả tiền gốc nhưng P không đồng ý. Sau đó, anh S không có mặt tại địa phương và không liên hệ với P để trả lãi suất cũng như nợ gốc. Giữa C, P và anh S không có thỏa thuận về thời hạn vay và trả tiền cụ thể, sau ngày 31/10/2019 cũng không có thỏa thuận khác và không thay đổi về lãi suất nên thỏa thuận vay ban đầu vẫn còn giá trị đến ngày 12/8/2024, khi anh S đến Cơ quan điều tra trình báo sự việc.

Do đó, lãi suất tính từ ngày 14/5/2019 đến ngày 12/8/2024 là 1918 ngày; số tiền thu lợi bất chính tính theo thỏa thuận mà P, C nhằm thu được là 900.000 đồng x 1918 ngày - (300.000.000 đồng x 20% : 365 ngày) x 1918 ngày = 1.410.912.329 đồng.

Trong đó, từ tháng 6/2019 đến tháng 10/2019, anh S đã trả lãi cho P và C tổng số tiền 135.000.000 đồng cho 150 ngày vay, tính từ ngày 14/5/2019. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là $(300.000.000 \text{ đồng} \times 20\% : 365 \text{ ngày}) \times 150 \text{ ngày} = 24.657.534 \text{ đồng}$. Vì vậy, P và C đã thu lợi bất chính trên thực tế tổng số tiền là 135.000.000 đồng - 24.657.534 đồng = 110.342.466 đồng.

Tại bản Kết luận giám định số 469/KL-KTHS ngày 26/7/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hà Nam, kết luận: “Chữ ký đứng tên Đỗ Tiến S dưới mục “Người mượn”, “ĐẠI DIỆN BÊN A” và chữ viết phần nội dung trên mẫu căn giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Đỗ Tiến S trên mẫu so sánh ký hiệu M do cùng một người ký, viết ra”.

Ngày 16/9/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Phủ Lý thi hành Lệnh khám xét chỗ ở của Trần Đức P tại tổ 6, phường Hai Bà Trưng, thành phố Phủ Lý. Quá trình khám xét không thu giữ đồ vật, tài sản gì liên quan đến vụ án.

Ngày 23/9/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Phủ Lý thi hành Lệnh khám xét chỗ ở của Nguyễn Mạnh C tại tổ dân phố Đình Tràng, phường Lam Hạ, thành phố Phủ Lý. Quá trình khám xét không thu giữ đồ vật, tài sản gì liên quan đến vụ án.

* Vật chứng, tài sản thu giữ gồm:

- 01 giấy có tiêu đề “Hợp đồng dịch vụ thuê xe máy”; 01 giấy mượn đăng ký xe; 01 giấy bán xe; 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Đỗ Tiến S do Trần Đức P giao nộp.

- Số tiền 135.000.000 đồng do Nguyễn Mạnh C giao nộp.

* Tại bản cáo trạng số 180/CT-VKS-PL ngày 13/11/2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam đã truy tố các bị cáo Nguyễn Mạnh C, Trần Đức P về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

* Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như đã nêu trong bản cáo trạng, không thay đổi, bổ sung gì. Sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Mạnh C, Trần Đức P phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

+ Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 35 (đối với C, P); điểm b, i khoản 1 Điều 51 (đối với C) của Bộ luật Hình sự. Xử phạt các bị cáo Nguyễn Mạnh C, Trần Đức P mỗi bị cáo từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước.

+ Xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án 01 giấy có tiêu đề “HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ THUÊ XE MÁY”; 01 giấy có tiêu đề “Giấy mượn đăng ký xe”; 01 giấy có tiêu đề “Giấy Bán xe” làm căn cứ giải quyết vụ án.

Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước số tiền 24.657.534 đồng.

Trả lại anh Đỗ Tiến S số tiền 110.342.466 đồng nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

+ Về tịch thu tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm:

Truy thu của anh Đỗ Tiến S 300.000.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

- Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, các bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Chu Thị D trình bày: Do Trần Đức P không có số tài khoản nên có mượn số tài khoản của chị, khi mượn P chỉ nói có bạn gửi tiền vào thì rút ra hộ. Ngoài ra chị không nắm được nội dung gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với người tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Đỗ Tiến S vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai của anh S, được cơ quan điều tra tiến hành lấy lời khai theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định pháp luật.

[3] Về tội danh: Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý đã nêu. Lời khai nhận của các bị cáo được thẩm tra tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản vụ việc, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu khác có trong hồ sơ của vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Với mục đích thu lời bất chính từ việc cho vay với lãi suất cao nên ngày 14/5/2019, tại số nhà 11, đường Nguyễn Viết Xuân thuộc tổ 6, phường HBT (nay là phường CC), thành phố PL, Nguyễn Mạnh C đã đưa cho Trần Đức P số tiền 300.000.000 đồng để P cho anh Đỗ Tiến S vay với lãi suất 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày tương đương với mức lãi suất 109,5%/ năm, gấp 5,475 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự (20%/năm) và không thỏa thuận về thời hạn vay.

Từ tháng 6/2019 đến tháng 10/2019, Nguyễn Mạnh C và Trần Đức P đã thu lãi suất của anh S thông qua hình thức nhận chuyển khoản với tổng số tiền 135.000.000 đồng tương ứng với 150 ngày vay, tính từ ngày 14/5/2019; thu lời bất chính trên thực tế với số tiền là 110.342.466 đồng.

Do các bên chưa thỏa thuận về việc chấm dứt kỳ hạn vay và không thay đổi về mức lãi suất nên tính từ ngày 14/5/2019 đến ngày 12/8/2024, tổng số tiền P và C nhằm thu lời bất chính của anh S theo thỏa thuận là 1.410.912.329 đồng.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Nguyễn Mạnh C, Trần Đức P đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, có căn cứ, phù hợp với pháp luật.

[4] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án thì thấy: Nguyễn Mạnh C là người khởi xướng, trực tiếp đưa tiền cho vay và thụ hưởng tiền lãi cho vay nên giữ vai trò thứ nhất trong vụ án. Trần Đức P là người trực tiếp thỏa thuận, giao dịch cho vay nên giữ vai trò đồng phạm là người thực hành.

[5] Về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Mạnh C có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Bị cáo Trần Đức P có nhân thân xấu, đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính nhiều lần và đã từng bị kết tội đến nay đã được xóa, nhưng bị cáo P không lấy đó làm bài học để rèn luyện chính mình mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét nhân thân của các bị cáo khi lượng hình.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Mạnh C, Trần Đức P đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình. Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Mạnh C phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã đến cơ quan công an đầu thú, tự nguyện giao nộp số tiền 135.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Bị cáo Trần Đức P có bố đẻ là thương binh. Do đó, bị cáo Nguyễn Mạnh C được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trần Đức P được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi cho vay lãi suất cao là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện vì lợi nhuận bất chính thu được là rất cao (cao gấp từ 5,475 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự), hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, cụ thể là lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, gây thiệt hại về vật chất đối với người đi vay do phải trả một khoản lãi quá cao so với quy định, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội và là nguyên nhân dẫn đến các tệ nạn xã hội khác, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, việc xét xử nghiêm minh hành vi phạm tội này là cần thiết, với mức hình phạt tương xứng tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội các bị cáo đã thực hiện.

Qua xem xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: Cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo cũng đủ răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong cộng đồng.

- Hình phạt bổ sung: Do áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Mặt khác, các bị cáo không đăng ký ngành nghề kinh doanh trong lĩnh vực tiền tệ nên không áp dụng hình phạt bổ sung là cấm hành nghề đối với các bị cáo.

[7] Về tịch thu tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm:

- Đối với số tiền 300.000.000 đồng mà bị cáo Nguyễn Mạnh C đưa cho bị cáo Trần Đức P sử dụng để cho anh Đỗ Tiến S vay lãi nặng là tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm, toàn bộ số tiền này anh Đỗ Tiến S chưa trả cho P. Do vậy, cần truy thu của anh Đỗ Tiến S để sung Ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 24.657.534 đồng. Số tiền này bị cáo Nguyễn Mạnh C đã tự nguyện giao nộp để khắc phục hậu quả trong tổng số tiền 135.000.000 đồng cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

[8] Về số tiền thu lời bất chính: Đối với số tiền 110.342.466 đồng là tiền lãi thu lời bất chính cao hơn mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự anh Đỗ Tiến S đã trả cho bị cáo Trần Đức P và P đã đưa cho C. Bị cáo Nguyễn Mạnh C đã giao nộp để khắc phục hậu quả trong tổng số tiền 135.000.000 đồng cần trả lại cho anh Đỗ Tiến S, song giữ lại để đảm bảo thi hành án.

[9] Về vật chứng:

- Đối với 01 giấy có tiêu đề “HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ THUÊ XE MÁY”; 01 giấy có tiêu đề “Giấy mượn đăng ký xe”; 01 giấy có tiêu đề “Giấy Bán xe” là tài liệu, chứng cứ của vụ án cần tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Đỗ Tiến S là giấy tờ hợp pháp của anh S. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Phủ Lý đã trả lại giấy tờ trên cho anh S là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Đối với số tiền 135.000.000 đồng (do Nguyễn Mạnh C tự nguyện giao nộp để khắc phục hậu quả) trừ đi số tiền 110.342.466 đồng là tiền lãi cao hơn mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự cần trả lại cho anh Đỗ Tiến S, còn lại 24.657.534 đồng cần sung ngân sách Nhà nước.

[10] Về các tình tiết khác:

- Đối với chị Chu Thị D là người sử dụng tài khoản Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, số 21110000928543 để nhận tổng số tiền lãi 135.000.000 đồng mà anh Đỗ Tiến S chuyển đến trả cho P. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa xác định chị D không biết đây là số tiền lãi mà anh S trả cho P, P không nói cho chị D số tiền này để làm gì và của ai. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Phủ Lý không xem xét, xử lý đối với chị D là có căn cứ.

- Đối với hành vi ngày 08/3/2020, Trần Đức P đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Phủ Lý trình báo sự việc anh Đỗ Tiến S thuê chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH 150i, màu trắng BKS 29L5-010.99 và mượn giấy chứng nhận đăng ký xe máy của P nhưng nhiều ngày không đến trả xe máy và tiền thuê xe. Quá trình điều tra xác định, không có việc P cho anh S thuê xe máy BKS 29L5-010.99, việc làm hợp đồng thuê xe nhằm mục đích ràng buộc của khoản vay để anh S phải trả tiền lãi, tiền gốc cho P, anh S không đề nghị xử lý đối với P về hành vi này. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Phủ Lý không xử lý đối với P về việc P đã đến Cơ quan điều tra trình báo như trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 47; Điều 35 (đối với C, P); điểm b, i khoản 1 Điều 51 (đối với C) của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ các Điều 106; 136; 331; 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Mạnh C, Trần Đức P phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Mạnh C 220.000.000đ (hai trăm hai mươi triệu đồng) sung Ngân sách Nhà nước.

- Bị cáo Trần Đức P 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) sung Ngân sách Nhà nước.

3. Về tịch thu tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm:

- Truy thu của anh Đỗ Tiến S 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) sung Ngân sách Nhà nước.

4. Xử lý vật chứng:

- Tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án: 01 giấy có tiêu đề “HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ THUÊ XE MÁY”; 01 giấy có tiêu đề “Giấy mượn đăng ký xe”; 01 giấy có tiêu đề “Giấy Bán xe”.

- Tịch thu sung Ngân sách nhà nước số tiền 24.657.534 đồng.

- Trả lại cho anh Đỗ Tiến S số tiền 110.342.466 đồng song giữ lại để đảm bảo thi hành án.

(Theo Ủy nhiệm chi số 39 lập ngày 21/11/2024).

5. Về án phí:

Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Nguyễn Mạnh C, Trần Đức P mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Quyền kháng cáo đối với bản án: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- CQCSĐT Công an thành phố Phủ Lý;
- CQTHAHS Công an thành phố Phủ Lý;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP Phủ Lý;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuyên